

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2025.

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sắc.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2024, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 26/12/2003. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà có 02 con chung tên Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày: 27/4/2005, giới tính: Nữ và Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam. Thời gian sau khi kết hôn bà và ông T1 chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này giữa bà và ông T1 thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông T1 thường xuyên uống rượu, ngược đãi, có hành vi đánh đập bà, có tiền tự tiêu xài cho bản thân không lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông T1, bà và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên bà T xin được ly hôn với ông Võ Văn T1.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con chung Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày: 27/4/2005, giới tính: Nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Võ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành làm thủ tục xét xử vắng mặt ông T1.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Vợ chồng bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông T1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông T1 thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh đập bà, ông T1 không quan tâm, chăm sóc gia đình, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hơn nữa bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam là có cơ sở chấp nhận vì: từ khi ly thân bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 đảm bảo vật chất lẫn tinh thần và cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T, hơn nữa ông T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Còn con chung Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày: 27/4/2005, giới tính: Nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông T1 là phù hợp theo Điều 227 BLTTDS.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Võ Văn T1 không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông T1, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh mâu thuẫn, cha mẹ hai bên đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không được, bà T kiên quyết ly hôn với ông T1, Tòa án đã thụ lý tiến hành hòa giải cho đoàn tụ và kéo dài thời gian nhưng đúng theo quy định pháp luật để ông T1 có điều kiện tự điều chỉnh mâu thuẫn và có phương pháp đoàn tụ, nhưng ông T1 không có phương pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, Tòa án đã triệu tập nhiều lần cho ông T1 đến để hòa giải đoàn tụ, nhưng ông T1 không đến nghĩa là ông T1 không quan tâm đến hôn nhân của ông và bà T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hơn nữa bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông T1 có 02 con chung tên Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày: 27/4/2005, giới tính: Nữ và Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam. Đối với con chung Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày: 27/4/2005, giới tính: Nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết, còn con chung Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu N1 đang sống với bà T, bà T có thu nhập ổn định nên đảm bảo vật chất và tinh thần cho con chung, cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T. Đối với ông T1, tại phiên tòa không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, Hội đồng xét xử không biết được ý kiến của ông có xin nuôi con hay không. Như vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm;

Ông Võ Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Các Điều 17, 27, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn T1.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010, giới tính: Nam.

Ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ giao con chung tên Võ Văn N1, sinh ngày: 22/9/2010 giới tính: Nam cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Võ Văn T1 không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản ông T1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002305 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Võ Văn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

Ngô Văn Thành